

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2021
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Nam và Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - số N đường TĐT, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2020 về tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Số A đường ADV, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Thanh S (Phan, Sang T), sinh năm 1987, quốc tịch: Hoa Kỳ. Địa chỉ: B WSt, Pennsylvania Y, Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/9/2020 của chị Nguyễn Thị Như Q, lời khai trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Q và anh Phan Thanh S (Phan, Sang T) quen biết nhau qua người quen giới thiệu vào năm 2012. Sau thời gian tìm hiểu thì chị Q và anh S cảm thấy hợp nhau nên đến năm 2015 anh S từ Hoa Kỳ về lại Việt Nam để đăng ký kết hôn. Hai người tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống địa phương tại nhà của anh S ở thôn V, xã VT, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế sau đó đi đăng ký kết hôn và được Ủy

ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/3/2015.

Sau khi kết hôn anh S ở Việt Nam được một tháng thì quay trở lại Hoa Kỳ. Thời gian đầu chị Q và anh S vẫn liên lạc với nhau thường xuyên và anh S có chuẩn bị thủ tục bảo lãnh cho chị Q sang Hoa Kỳ đoàn tụ. Năm 2017, chị Q đi phỏng vấn nhưng không đạt vì anh S từ sau khi kết hôn không về lại Việt Nam thăm chị Q cũng như lúc phỏng vấn anh S cũng không có mặt. Từ sau khi phỏng vấn không thành công thì khoảng 2 tháng đầu anh S vẫn liên lạc gọi điện hỏi thăm chị Q nhưng sau đó dần ít liên lạc và hiện nay anh S không còn liên lạc gì với chị Q nữa. Hiện nay chị Q cảm thấy tình cảm của vợ chồng không còn, hai người không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống xa cách và không thể đoàn tụ với nhau nên muốn xin ly hôn để tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Chị Q khai là không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Thanh S (Phan, Sang T): Ngày 02/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được đơn trình bày của anh Phan Thanh S liên quan đến việc ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị Như Q như sau: Anh S đồng ý ly hôn với chị Q, tất cả nội dung mà chị Q trình bày đều đúng sự thật, anh muốn hai người chia tay để ổn định cuộc sống mới của mỗi người. Anh chị không có con chung, tài sản chung và khoản nợ chung nào. Do tình hình dịch Covid 19 và điều kiện ở xa không thể về Việt Nam nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q và bị đơn anh Phan Thanh S thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; việc anh S vắng mặt tại phiên tòa là do trở ngại khách quan của dịch bệnh Covid-19.

Về nội dung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết ly hôn với anh Phan Thanh S là có căn cứ pháp luật theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh Phan Thanh S. Đối với con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí đề nghị buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Phan Thanh S có văn bản trình bày đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do trở ngại khách quan của dịch bệnh Covid-19. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Phan Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/3/2015. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn, chị Q và anh S sống xa nhau, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng cũng không thể đoàn tụ để sống chung với nhau nên tình cảm cũng phai nhạt dần. Vì vậy, chị Q đề nghị được ly hôn với anh S để tạo lập cuộc sống mới.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh S không còn, điều kiện để hai bên đoàn tụ, đảm bảo quyền và nghĩa vụ vợ chồng là không thực hiện được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn anh Phan Thanh S.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Phan Thanh S đều xác nhận không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, Điều 470, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Như Q, cho chị Q được ly hôn với anh Phan Thanh S (Phan, Sang T).

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Phan Thanh S đều xác nhận không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp thể hiện tại biên lai thu tiền số: AA/2016/0000659 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phan Thanh S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
(đăng ký kết hôn ngày 12/3/2015);
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự;
Tổ hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú